

**CÔNG TY TNHH BAEWUJA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAEWUJA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAEWUJA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAEWUJA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110076403

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, số 125A đường Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988376502

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản)                                                                                                                                             | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh, phim ảnh (có nội dung được phép lưu hành)                                             | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, dụng cụ sân khấu                                                                                                              | 4669        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: - Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại; - Tổ chức các sự kiện, tổ chức dàn dựng các chương trình biểu diễn văn hoá ( ca nhạc, vũ hội, biểu diễn thời trang), hội thảo, hội nghị; | 8230        |
| 7.  | Đào tạo trung cấp<br>( không hoạt động tại trụ sở )                                                                                                                                                                                      | 8532        |
| 8.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                    | 9000(Chính) |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                    | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                         | 6209        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                       | 6311        |

|     |                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: thiết lập các trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                                                                              | 6312 |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn kế toán, tài chính, luật)                                                                                                                                       | 7020 |
| 15. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                         | 7310 |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                | 7320 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(trừ thiết kế công trình xây dựng)<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế website                                                                                            | 7410 |
| 18. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                               | 7420 |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                 | 7490 |
| 20. | In ấn                                                                                                                                                                                                   | 1811 |
| 21. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                | 1812 |
| 22. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                                                                                 | 2680 |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                                              | 4791 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                            | 4799 |
| 25. | Bưu chính                                                                                                                                                                                               | 5310 |
| 26. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                             | 5320 |
| 27. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>chi tiết: Sản xuất và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở).          | 5911 |
| 28. | Hoạt động hậu kỳ<br>(trừ sản xuất phim)                                                                                                                                                                 | 5912 |
| 29. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video (trừ sản xuất phim, phát sóng, phát hành chương trình truyền hình) | 5913 |
| 30. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke).                                                                                                            | 5920 |
| 31. | Hoạt động viễn thông có dây                                                                                                                                                                             | 6110 |
| 32. | Hoạt động viễn thông không dây                                                                                                                                                                          | 6120 |
| 33. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết : Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động                                                                                                | 6190 |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4741 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Địa chỉ thường trú:  
Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: GU GILMIN Giới tính: Nam  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 19/01/1990 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M81238208  
Ngày cấp: 07/09/2016 Nơi cấp: Bộ ngoại giao Hàn Quốc  
Địa chỉ thường trú: *Phòng 302, Raon, 475-9 Seogyo-dong, Mapo-gu, Seoul, Hàn Quốc*  
Địa chỉ liên lạc: *Tòa S2 Vinhomes Skylake, số 36 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội